

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 -
VĨNH LONG
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA
VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 76/2026/HS-ST
Ngày: 13 - 8 - 2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - VĨNH LONG, TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Hùng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Ngô Thanh Lành

Bà Trần Thị Phận

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Kim Thùy là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 3 - Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Ông Dương Lê Liêm - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 66/2026/TLST-HS ngày 24 tháng 6 năm 2026 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75/2026/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 7 năm 2026 đối với bị cáo:

Huỳnh Văn Hoàng T, sinh ngày 24/6/1996. Nơi thường trú: tổ H, ấp T, xã T, tỉnh Vĩnh Long. Nơi ở hiện tại: khóm M, phường C, tỉnh Vĩnh Long (không đăng ký tạm trú); nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Thanh T1 (chết) và bà Phan Tuyết H; vợ: Nguyễn Thị Thu T2 và con có tất cả 02 người (lớn sinh năm 2018, nhỏ sinh năm 2019); tiền sự, tiền án: không. Nhân thân: chưa từng bị kết án hay bị xử phạt vi phạm hành chính. Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Ông Nguyễn Ngọc T3, sinh năm 1969. Nơi thường trú: tổ A, ấp T, xã T, tỉnh Vĩnh Long. (có đơn xin vắng mặt)

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Ông Lê Minh T4, sinh năm 2001. Nơi cư trú: tổ E, khóm Đ, phường Đ, tỉnh Vĩnh Long. (có đơn xin vắng mặt)

Người làm chứng:

Ông Nguyễn Anh K, sinh năm 2000. Nơi cư trú: tổ C, khóm M, phường C, tỉnh Vĩnh Long. (vắng mặt)

Bà Nguyễn Thị Mỹ D, sinh năm 1982. Nơi cư trú: khóm Đ, phường Đ, tỉnh Vĩnh Long. (có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 06 giờ ngày 07/11/2025 ông Nguyễn Ngọc T3 điều khiển xe AirBlade Fi mô tô biển số 64K1-007.84 (bên trong cốp xe có 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7 Plus màu vàng) đến vườn mít tại tổ A, ấp T, xã T, tỉnh Vĩnh Long để tưới mít và đậu xe ở đó. Đến khoảng 07 giờ cùng ngày, Huỳnh Văn Hoàng T cùng với Nguyễn Văn T5 đi bắt ốc nhìn thấy xe mô tô AirBlade Fi biển số 64K1-007.84 của ông T3 có gắn sẵn chìa khóa đậu trong vườn mít. T và T5 đi lại nhà Nguyễn Văn Út N nhưng không gặp mà gặp anh Lê Trung Q nên T5 có hỏi anh Q số điện thoại của người mua ốc và kêu người chạy xe ôm dùm để chở T5 và T về nhưng anh Q nói không có số điện thoại.

Lúc này, T mới nảy sinh ý định trộm xe mô tô biển số 64K1-007.84 của ông T3 để có xe đi về rồi bán lấy tiền tiêu xài. T quan sát xung quanh thấy không có ai trông coi nên T lấy xe rồi chạy ra rước Tiều và chở T5 đến chợ T6, tỉnh Đồng Tháp. Trên đường đi T dừng xe lại, mở cốp xe thì thấy có 01 điện thoại Iphone 7 Plus màu vàng, T kiểm người bán nhưng không bán được do không có mặt khẩu. Sau đó T chở T5 đi về. Khoảng 02 ngày sau, T thay biển số xe 64K1-007.84 thành biển số 64H1-120.12 rồi cùng với T5 đem xe đến bán cho ông Lê Minh T4. Khi giao xe thì T4 không có nhà nên T giao xe cho mẹ T4 là bà Nguyễn Thị Mỹ D để chuyển xe ra cho T4 ở Ninh Thuận.

Căn cứ Bản kết luận định giá tài sản số 01/KL-HĐĐGTS ngày 05/01/2026 của Hội đồng định giá tài sản xã T, kết luận: *01 xe mô tô biển số 64K1-007.84, nhãn hiệu Honda, số loại Airblade Fi, màu sơn: đen bạc, số máy: F27E-0760426, số khung: 705BY-049672 có giá trị 7.000.000 đồng; 01 điện thoại di động Iphone 7 plus màu vàng, đã qua sử dụng, có giá trị 1.500.000 đồng* (BL 43 - 44).

Căn cứ kết luận giám định số 83/KL-KTHS-KV1 ngày 30/01/2026 của Phòng K1 Công an tỉnh V, kết luận: *Xe mô tô gắn biển số 64H1-120.12, nhãn hiệu HONDA Số khung: RLHJF2705BY049672 không bị đục sửa, không bị cắt hàn tại vị trí đóng số. Số máy: JF27E-0760426 không bị đục sửa, không bị cắt hàn tại vị trí đóng số.* (BL 47)

Đối với Nguyễn Văn T5 đi chung với T nhưng việc T lấy trộm tài sản là do T tự nảy sinh ý định và thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Tiều không thấy được T thực hiện hành vi trộm vì tại thời điểm đó T5 đang nói chuyện với Lê Trung Q. Tuy nhiên, T5 biết xe mô tô biển số 64K1-007.84 do T lấy trộm mà đồng ý đi bán cùng T, T5 có dấu hiệu giúp sức cho việc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có. Hiện T5 không có ở địa phương Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh V chưa làm việc được. Ngày 02/6/2026 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh V đã ra Quyết định tách hành vi và tài liệu liên quan đến vụ việc để xác minh làm rõ hành vi “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” của T5 (BL 141).

Đối với Lê Minh T4 mua 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Airblade Fi, màu sơn: đen bạc, số máy: F27E-0760426, số khung: 705BY-049672 gắn biển số 64H1-120.12 của T với số tiền 3.000.000 đồng, anh T4 không biết xe mô tô trên là do T lấy trộm của người khác mà có, nên không đặt ra xử lý.

Tại Cáo trạng số 42/CT-VKSKV3 ngày 19/6/2026 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Vĩnh Long đã truy tố bị cáo Huỳnh Văn Hoàng T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, năm 2025).

Tại phiên tòa, sau khi phân tích các yếu tố cấu thành tội phạm, tính chất, mức độ hành vi phạm tội, hậu quả, nhân thân của bị cáo, năng lực trách nhiệm hình sự, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Vĩnh Long vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Huỳnh Văn Hoàng T đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hình phạt chính: Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Đề nghị xử phạt bị cáo Huỳnh Văn Hoàng T từ 06 tháng đến 09 tháng tù.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có nghề nghiệp ổn định nên đề nghị miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Ông Nguyễn Ngọc T3 sau khi nhận lại xe mô tô và điện thoại thì không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên không đặt ra giải quyết. Còn các giấy tờ bị mất trộm thì ông T3 tự làm lại.

Ông T4 là người mua xe biển số 64K1-007.84 nhãn hiệu Honda, số loại Airblade Fi của bị cáo lấy trộm với số tiền là 3 triệu đồng. Ông T4 không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền trên nên không đặt ra giải quyết.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đề nghị tịch thu tiêu hủy: 01 biển số 64H1-120.12 do bị cáo lấy gắn vào xe lấy trộm của bị hại.

Đối với số tiền 3 triệu đồng mà bị cáo bán xe có được, đề nghị buộc bị cáo nộp số tiền trên để tịch thu sung vào ngân sách nhà nước vì là tiền thu lợi bất chính.

Về án phí sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo Huỳnh Văn Hoàng T nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa:

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Vĩnh Long đã truy tố.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo xin được hưởng án treo để về lo cho gia đình và nuôi 02 con nhỏ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh V, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3-Vĩnh Long, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Qua quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm phù hợp với lời khai của bị cáo, bị hại, người làm chứng, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án tại cơ quan điều tra, vật chứng thu giữ được và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Từ đó, đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 07 giờ, ngày 07/11/2025 tại vườn mít của ông T3 thuộc tổ A, ấp T, xã T, tỉnh Vĩnh Long bị cáo đã lén lút lấy trộm 01 xe mô tô hiệu Airblade Fi màu đen bạc biển số 64K1-007.84 số máy: F27E-0760426, số khung: 705BY-049672 có giá trị 7.000.000 đồng và 01 điện thoại di động Iphone 7 plus màu vàng đã qua sử dụng có giá trị 1.500.000 đồng. Tổng tài sản bị cáo lấy trộm có giá trị 8.500.000 đồng. (Bl 43-44, 47).

Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, năm 2025).

Tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định như sau:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm...”

Như vậy, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Vĩnh Long đã truy tố bị cáo với tội danh và điều luật như trong bản cáo trạng số 42/CT-VKSKV3 ngày 19/6/2026 cũng như lời luận tội của vị Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa sơ thẩm là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Xét hành vi của bị cáo đã thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác một cách trái pháp luật. Mặc dù biết rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng để có tiền tiêu xài cá nhân, bị cáo đã lén lút lấy trộm tài sản của bị hại. Chính vì vậy cần có một mức án tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo nhằm răn đe giáo dục và đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng chống đối với loại tội phạm này.

Xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

Xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo tự nguyện sửa chữa xe cho bị hại với số tiền là 3.000.000

đồng. Ngoài ra bị cáo còn được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt. Do đó, cần áp dụng điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 để lượng hình cho bị cáo.

Xét thấy bị cáo mới phạm tội lần đầu, chưa có tiền án tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết cách ly ra khỏi đời sống xã hội mà áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo và giao bị cáo cho chính quyền địa phương giám sát, giáo dục là đủ.

[4] Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo không có nghề nghiệp ổn định nên miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Đối với 01 xe mô tô biển số 64K1-007.84, nhãn hiệu Honda, số loại Airblade Fi, màu sơn: đen bạc, số máy: F27E-0760426, số khung: 705BY-049672; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 006832 tên chủ xe Nguyễn Ngọc T3, biển số đăng ký 64K1-007.84, nhãn hiệu Honda số loại Airblade Fi, màu sơn: đen bạc, số máy: F27E-0760426, số khung: 705BY-049672; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7 plus màu vàng, đã qua sử dụng thì bị hại đã được Cơ quan điều tra trả lại xong theo biên bản ngày 08/02/2026. Ông T3 sau khi nhận lại tài sản thì không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên không đặt ra giải quyết.

Đối với 04 sổ tiết kiệm, 01 giấy phép lái xe, 01 căn cước công dân, 01 thẻ ngân hàng A mang tên Nguyễn Ngọc T3, Cơ quan điều tra đã tổ chức truy tìm nhưng không thu hồi được do đó bị hại không có yêu cầu gì.

Ông T4 là người mua xe biển số 64K1-007.84 nhãn hiệu Honda, số loại Airblade Fi của bị cáo lấy trộm với số tiền 3 triệu đồng. Ông T4 không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền trên nên không đặt ra giải quyết.

[6] Về xử lý vật chứng và áp dụng biện pháp tư pháp:

Chấp nhận Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại cho bị hại 01 xe mô tô biển số 64K1-007.84, nhãn hiệu Honda, số loại Airblade Fi, màu sơn: đen bạc, số máy: F27E-0760426, số khung: 705BY-049672; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 006832 tên chủ xe Nguyễn Ngọc T3, biển số đăng ký 64K1-007.84, nhãn hiệu Honda số loại Airblade Fi, màu sơn: đen bạc, số máy: F27E-0760426, số khung: 705BY-049672; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7 plus màu vàng, đã qua sử dụng theo biên bản ngày 08/02/2026.

Đối với 01 đĩa DVD ghi lại quá trình bị cáo lấy trộm tài sản cần lưu hồ sơ vụ án.

Đối với 01 biển số 64H1-120.12 do bị cáo lấy gắn vào xe lấy trộm của bị hại cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với số tiền bán xe lấy trộm mà bị cáo có được cần buộc bị cáo nộp 3.000.000 đồng để tịch thu sung vào ngân sách nhà nước do đây là tiền thu lợi bất chính có được.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Vĩnh Long là có căn cứ nên được chấp nhận một phần.

[8] Về án phí sơ thẩm: Buộc bị cáo nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Huỳnh Văn Hoàng T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điều 65; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025).

Xử phạt bị cáo Huỳnh Văn Hoàng T 01 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 02 (hai) năm, tính từ ngày 13/8/2026.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Vĩnh Long giám sát, giáo dục. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 87 của Luật thi hành án hình sự năm 2025.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo Huỳnh Văn Hoàng T.

2. Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra giải quyết.

3. Về biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tổ tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy: 01 biển số 64H1-120.12 do bị cáo lấy gắn vào xe lấy trộm của bị hại.

Buộc bị cáo nộp số tiền bán xe lấy trộm mà bị cáo có được là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) để tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

(Vật chứng hiện do Phòng thi hành án dân sự khu vực 3 - Vĩnh Long đang tạm giữ theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 30/6/2026).

Lưu hồ sơ vụ án 01 (một) đĩa DV đoạn ghi âm, ghi hình ảnh hỏi cung bị cáo.

4. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tổ tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Buộc bị cáo Huỳnh Văn Hoàng T nộp 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long
- VKSND tỉnh Vĩnh Long
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Long
- Phòng hồ sơ CA tỉnh Vĩnh Long
- VKSND khu vực 3 - Vĩnh Long
- Phòng THADS khu vực 3 - Vĩnh Long
- UBND xã Tân Lược

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Bị cáo và các đương sự
- Lưu.

Nguyễn Phước Hùng